

# TU TƯỞNG NHO GIÁO VỀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI

PHẠM VĂN CHUNG\*

Nho giáo có ảnh hưởng lớn đến lịch sử tư tưởng, văn hoá Việt Nam cả ở mặt tích cực, cũng như mặt tiêu cực. Tư tưởng Nho giáo khởi thủy được thể hiện tập trung trong *Tứ Thư* - một bộ sách nổi tiếng trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại.

*Tứ Thư* chứa đựng nhiều nội dung tư tưởng triết học sâu sắc, trong đó có tư tưởng về bản chất con người. Tư tưởng về bản chất con người được thể hiện rất rõ trong quan niệm của Mạnh Tử khi ông cho rằng, bản chất con người là “thiện”, “vốn thiện”, nghĩa là xem bản chất con người là “bản chất đạo đức”. Tuy vậy, để hiểu một cách có hệ thống, sâu sắc, toàn diện tư tưởng này, thì cần đi sâu, luận giải các quan niệm về “tính”, “tính người”, về “đức” và “thiện”.

## 1. “TÍNH” (tính người) với nghĩa là “bản tính” hay bản chất con người

Trong *Tứ Thư*, quan niệm về bản chất con người gắn liền với quan niệm về “tính” của con người hay tính người. Đây là quan niệm khá phổ biến, được thể hiện rõ trong toàn bộ nội dung của *Tứ Thư*. Việc không tính đến quan niệm này trong nghiên cứu sẽ làm cho việc hiểu biết tư tưởng Nho giáo về bản chất con người trở nên phiến diện.

Trong sách “Trung Dung” có nêu rõ nội dung quan niệm về “tính” như sau: “Trong thiên hạ chỉ có bậc chí thành mới hiểu

tường tận bản tính của mình. Hiểu rõ bản tính của mình để hiểu rõ bản tính của người. Hiểu rõ bản tính của mình để hiểu rõ bản tính của vạn vật. Hiểu rõ bản tính của vạn vật, để có thể giúp đỡ việc hóa dục trời đất. Có thể giúp đỡ việc hóa dục trời đất, ắt có thể sánh ngang trời đất vậy” (“Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính, tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc năng khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hoá dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hĩ”)<sup>1</sup>. Đoạn vừa dẫn cho thấy, “tính” được hiểu là “bản tính”, nó cũng có nghĩa là “bản chất”, “bản chất con người”. Bởi vì, trong đoạn văn trên đã chỉ rõ *con đường*, mà nhờ đó bậc chí thành có thể thực hiện được sự nghiệp giáo hóa vĩ đại (“hóa dục trời đất”). Rõ ràng, hiểu biết tường tận, đến cùng bản tính của mình, của người và của vật phải là hiểu biết về cái sâu sắc, cái căn bản nhất. Nói cách khác, đó là hiểu *bản chất* của sự vật (của mình, của người và vật). Nhưng còn có thể thấy thêm là, đoạn văn nêu trên chứa đựng tư tưởng triết học giáo dục rất sâu sắc.

Khổng Tử trong “Luận Ngữ” đã nêu: “Bản tính người ta gần giống nhau, thói quen khiến xa nhau”<sup>2</sup>. Cũng như ở đoạn trên, “tính” được nói đến là “bản tính”, cũng có nghĩa là bản chất con người. Nó là cái mà con người cần phải nhận thức đến cùng mới thấu được. Nhưng ở đây, bản tính hay bản chất còn có đặc trưng quan

\* Tiến sỹ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

trọng. Đó là cái giống nhau căn bản, ổn định, không dễ thay đổi ở con người. Nó khác với thói quen vì thói quen là cái có thể khác nhau ở mỗi người và có thể thay đổi khi hoàn cảnh, điều kiện sống của họ thay đổi.

Nhưng trong Nho giáo, “tính” cũng có thể được hiểu là “tính chất”, “tính cách” với nghĩa là những khía cạnh hoặc những biểu hiện của bản tính. Chẳng hạn, khi tranh luận với Cáo Tử, Mạnh Tử đã bác bỏ một cách rất thuyết phục quan điểm của Cáo Tử khi ông này có sự lầm lẫn trong lập luận. Cáo Tử đã đồng nhất “tính” với nghĩa là bản chất với những tính chất, những cái biểu hiện của bản chất, khi ông ta nói: “Bản tính của mọi sinh vật đều gọi là tính cả”. Mạnh Tử cho rằng, nói như thế chẳng khác gì nói “tính của con chó cũng giống như tính của con bò, tính của con bò cũng như tính của người ta”<sup>3</sup>.

Để thấy rõ hơn tư tưởng Nho giáo về bản chất con người được hiểu với nghĩa là “tính”, “bản tính” con người, nghĩa là nó bao gồm, “tóm quát” toàn bộ tồn tại, đời sống con người, thậm chí cả tự nhiên, vũ trụ, chúng ta có thể xem nội dung đoạn đối thoại giữa Mạnh Tử và Công Tôn Sửu về “tâm”, “sự động tâm”, “tâm chí”, về “khí hạo nhiên”, “khí lực”, “ý chí”<sup>4</sup>... Theo Mạnh Tử, có một khả năng, năng lực bên trong, đó là “tâm” (tâm chí). Tâm chí có thể chi phối những hoạt động của con người kể cả thể lực, khí lực; đó là cái bậc nhất trong con người, của con người, mà liên quan đến nó còn là bản lĩnh, cái không tách rời ý chí. Có thể hiểu cái “tâm chí” ấy là biểu hiện rõ ràng bản tính hay bản chất con người.

Song, có một điều rất đáng nói ở đây là, tư tưởng Nho giáo về bản chất con người có *điểm chung* rất rõ so với tư tưởng của C. Mác. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, Mác cũng nói đến bản chất con người với nghĩa là “tính” của con người, hơn nữa là “tính người” của con người. Mác viết: “Cái vốn có của súc vật trở thành chức phận của con người, còn cái có tính người thì biến thành cái vốn có của súc vật”. “Cố nhiên là ăn, uống, sinh con đẻ cái v.v. cũng là những chức năng thực sự có tính người”, nhưng lao động bị tha hoá đã “biến chúng thành những mục đích cuối cùng và duy nhất”, cho nên “những chức năng ấy mang tính súc vật”. Mác khẳng định rõ hơn rằng, cái tính người ấy của con người chính là bản chất con người và nó chính là “tính loài”, là “đời sống có tính loài”, là “bản chất có tính loài của con người”<sup>5</sup>. Cái cách hiểu bản chất con người thông qua phân biệt, đối lập con người với con vật như vậy cũng có mặt trong tư tưởng Nho giáo. Cụ thể Mạnh Tử đã nói rằng, con người phải “có lòng nhân nghĩa”, “có lương tâm”, nếu không thì nó “không khác loài cầm thú”<sup>6</sup>. Tuy nhiên, tư tưởng Nho giáo về bản chất, tức là về tính người của con người có nội dung còn rất thô sơ, nghèo nàn, trong khi ở Mác quan niệm về tính, tính người của con người có nội dung rộng, sâu sắc và chính xác hơn nhiều. Mác hiểu rằng, tính người của con người là cái bao hàm cả mặt tự nhiên và xã hội, là cái xã hội với nghĩa bao hàm trong nó cái tự nhiên, được tạo thành và thể hiện ra trước hết trong quá trình đối tượng (khách thể) hoá chủ thể và chủ thể hoá khách thể, tức là trong thực tiễn, lao động. Chính tư tưởng này cho phép hiểu chính xác và rõ ràng luận điểm nổi tiếng của Mác về “bản chất con

người”, rằng chính bản chất con người, tức *tính người* (tính chủ thể, nhân văn, trung thực, thậm chí cả tính nô lệ, dối trá, hèn nhát...) của con người, tất cả đều là “tổng hoà của những quan hệ xã hội” của nó.

Tuy nhiên, cần phải nói rõ ngay ở đây là, khi nói về nguồn gốc của bản tính con người, một mặt, Nho giáo thừa nhận sự tu dưỡng, rèn luyện của con người, nhưng mặt khác, chủ yếu hơn, Nho giáo cho rằng, “tính” là do trời, mệnh trời ban cho con người. Chẳng hạn, sách “Trung Dung” viết: “Mệnh trời ban cho gọi là tính, noi theo tính gọi là đạo, tu đạo gọi là giáo”<sup>7</sup>. Còn đây là lời Khổng Tử trong “Luận Ngữ”: “Đạo của ta có được thi hành là do mệnh trời, phải phế bỏ cũng là do mệnh trời”<sup>8</sup>. Cần nhấn mạnh rằng, tư tưởng Nho giáo về mệnh trời xem như nguồn gốc của mọi tính, đức tính con người là một tư tưởng phổ biến, thậm chí là chủ đạo trong *Tứ Thư*.

Rõ ràng, quan niệm Nho giáo về “tính” (tính người) với nghĩa là về bản tính, hay bản chất con người, có nội dung rộng, “khái quát” toàn bộ *tồn tại* người. Tính người được nói đến ở đây mang nội dung và ý nghĩa chỉ bản tính, bản chất con người *nói chung*. Bản tính là cái gì đó rất sâu xa, là cái khởi thủy, gốc gác của mọi hành vi, hoạt động của con người, mà con người phải xuất phát từ đó, chỉ xuất phát từ đó, mới có thể có “đạo”, rồi sau đó mới có thể có “giáo”. Cái bản chất này, một mặt, tồn tại bên trong con người, mặt khác, biểu hiện ra bên ngoài, trong hành vi, phong cách, hoạt động, cả hình thể của con người, rất đa dạng.

## 2. Quan niệm về “tính” và về “đức” của con người

Tư tưởng Nho giáo về bản chất con người còn gắn liền với quan niệm về

“đức”. Quan niệm này có mối liên hệ chặt chẽ với quan niệm về “tính” (tính người). Theo Nho giáo, “tính” và “đức” có thể được hiểu đồng nhất với nhau, đó là “đức” và “tính” của trời, đất và vạn vật. Chẳng hạn, một đoạn trong sách “Trung Dung” viết rằng, đức của Trọng Ni “cũng ví như trời đất, mang vác mọi vật, che kín khắp nơi, cũng ví như bốn mùa vận hành, như mặt trời, mặt trăng thay nhau soi sáng”. “Đức nhỏ của trời đất tỉ như sông chảy không ngừng, còn đức lớn làm chuyển hoá muôn loài. Vì thế mà trời đất là lớn lao vậy”<sup>9</sup>. Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ nói đến quan niệm về “tính” và “đức” với nghĩa là “tính” và “đức” của con người. Theo đó, “tính” còn được hiểu với nghĩa rộng hơn so với “đức”. “Tính” một mặt có thể được hiểu là một tồn tại chính thể đặc trưng cho nhân cách, phẩm chất con người. Trong trường hợp này “tính” là toàn bộ những tính hoặc tính cách của con người, trong đó bao gồm cả những tính, tính cách tốt đẹp và những tính, tính cách xấu xa. Mặt khác, “tính” còn được hiểu đồng nghĩa với từng tính, tính cách cụ thể. Với những nghĩa nói trên, “tính” là cái thuộc về con người, ở trong con người.

Mô tả hình ảnh đẹp đẽ của người quân tử, sách “Kinh Thi” đã chỉ ra một loạt tính cách hoặc biểu hiện của tính cách: “như cát, như đánh bóng”, “như mài, như rửa”, “cứng cáp thay, mạnh mẽ thay”, “rực rỡ thay, sáng sủa thay”, “cao nhã, mãi mãi không ai quên được”<sup>10</sup>. Có thể xem đó là những tính hay tính cách, như chuyên cần, say sưa, cẩn trọng, trang nghiêm, cương nghị, quang minh, chính đại, chân thành, lịch thiệp, thanh nhã, v.v.. Những tính, tính cách tiêu biểu, tốt đẹp này được biểu hiện ra thật rạng rỡ cả ở phong thái, cử chỉ, hình thể, dáng vẻ, xem

như ở người quân tử “thịnh đức đã tới chỗ chí thiện”.

Dem đối lập kẻ tiểu nhân với người quân tử, sách “Đại Học” đã cho thấy rõ rằng theo nghĩa rộng, tính, tính cách của con người bao gồm cả những tính, tính cách tốt đẹp và xấu xa. Những tính và tính cách của kẻ tiểu nhân được chỉ ra, như “nhàn rồi thường làm điều bất thiện”, “chỗ nào cũng dám tới”, “lắm la lắm lét”, “che giấu” cái bất thiện, phô bày “điều thiện”<sup>11</sup>, “ngay ngáy lo âu”... Còn những tính, tính cách tốt (của người quân tử) như “bình thân láng láng”, “ôn hoà mà trang nghiêm, uy nghi mà không dữ tợn, cung kính mà an nhàn”<sup>12</sup>. Những tính cách này vừa với tư cách là những tính, tính cách riêng biệt, cụ thể, vừa với tư cách là một tồn tại chỉnh thể, tổng thể của chúng. Rõ ràng, có thể xem kẻ tiểu nhân với tính cách riêng xấu xa, bất thiện như “lắm la lắm lét”..., nhưng cũng có thể hiểu một kẻ được coi là “bất thiện”, thì cái bất thiện ở đây là một tổng thể tính cách xấu của nó; còn với người thiện (người quân tử), thì đức hay tính cách là một tổng thể tính cách tốt đẹp.

Tuy nhiên, trong *Tứ Thư* quan niệm về “tính”, “tính cách” bao hàm quan niệm về “đức”. Nhưng nếu như quan niệm về “tính” và “tính cách” nói đến cả tính, tính cách tốt đẹp và xấu xa, thì quan niệm về “đức” chỉ nói về tính, tính cách *tốt đẹp*. Chẳng hạn, nói về những đức (đức tính) tiêu biểu của Khổng Tử, Tử Cống cho rằng: “Thầy ta có các đức tính: ôn hoà, ngay thẳng, cung kính, dè dặt và khiêm nhượng”<sup>13</sup>. Đây chính là những tính, tính cách, cũng có nghĩa là những đức rất tiêu biểu của người quân tử, của Khổng Tử.

Nhưng cũng có thể xem đây là những đức, hay những tính, tính cách hoặc những nét tính cách, phẩm chất của con người nói chung. Chúng ta hoàn toàn có thể nói rằng, người này hay người kia có tính tình, tính cách hoặc có các đức ôn hoà, nhu thuận, tôn trọng, nhường nhịn, v.v.. Đương nhiên, những tính cách nói trên là những tính cách tốt đẹp và chúng tồn tại như một chỉnh thể trong nhân cách, làm thành nhân cách của Khổng Tử, của con người nói chung.

Nhưng điều đặc biệt là, khi hiểu “tính”, “tính cách” với nghĩa là “đức”, Nho giáo còn cho thấy “đức” có nội dung và ý nghĩa rất lớn lao. Thuộc về con người, ở trong con người và là cái biểu hiện ra của con người, đương nhiên “đức” được nói đến là cái tốt đẹp, không thể là cái xấu xa, tội lỗi, nhưng nó còn như là cái gốc gác, căn nguyên của mọi hành vi, tồn tại của con người. Sách “Đại Học” viết về vai trò ấy của đức đối với người quân tử, với việc cai trị như sau: “Có đức ắt có người, có người ắt có đất, có đất ắt có của cải, có của cải ắt có chỗ sử dụng”. Và “đức là gốc, của cải là ngọn vậy. Phần gốc đem gặt ra ngoài để ôm lấy phần ngọn, là tranh giành với dân, xúi người ta cướp giết”<sup>14</sup>. Còn sách “Luận Ngữ” viết: “Lấy đức để làm việc chính trị cũng ví như ngôi sao Bắc đẩu, ở yên vị mà các ngôi sao khác đều châu về”<sup>15</sup>. Những luận điểm này chứng tỏ vị trí, vai trò hết sức quan trọng của “đức” trong mọi hoạt động sống của người quân tử. Với nghĩa như thế, “đức” không chỉ tồn tại như cái căn nguyên sâu xa, mà còn được biểu hiện ra một cách sinh động trong mọi hành vi, cả dáng vẻ của người quân tử. Đức tồn tại vừa như là cái tổng thể, vừa với nghĩa là những đức cụ thể, như “đức nhân”, “đức

trí”, “đức dũng”, “đức nghĩa”, v.v., trong đó “đức nhân” là yếu tố căn bản, đặc trưng cho các đức và đức nói chung. Điều này được thể hiện rất rõ trong toàn bộ nội dung của *Tứ Thư*, nhất là trong sách “Luận Ngữ” và “Mạnh Tử”.

Như thế, quan niệm Nho giáo về “tính”, “tính cách” và về “đức” hoàn toàn không có nghĩa chỉ là về đạo đức, khi nó nói đến cả những tính, tính cách tốt và xấu của con người. Theo Nho giáo, “tính” và “đức” được hiểu không chỉ là toàn bộ phẩm chất, tính cách, mà còn là mỗi tính cách, thậm chí từng nét tính cách, nét đức cụ thể; chúng vừa là cái cấu thành bên trong, vừa được biểu hiện ra một cách hết sức đa dạng, sinh động. Những tính, tính cách và đức ấy chính là sự biểu hiện ra một cách phong phú, sinh động “tính” (bản tính, bản chất) con người. Tuy nhiên, dường như tư tưởng Nho giáo về bản chất, về tính cách con người chủ yếu hướng vào chỗ cho rằng bản chất con người là cái *tốt đẹp*, nghĩa là cái tính người được hiểu theo nghĩa hoàn toàn tốt đẹp, tích cực, nhất là khi nó được hiểu gắn liền, thậm chí là đồng nghĩa với “đức”. Vậy, nếu muốn đi đến kết luận về vấn đề Nho giáo có phải là một học thuyết chủ trương *đức trị* hay không, thì rất cần phải chỉ ra, chứng tỏ *nội dung chủ yếu* của tư tưởng Nho giáo về bản chất con người.

### 3. Thiện và bản tính thiện hay bản chất con người là bản chất đạo đức

Trong Nho giáo, quan niệm về “đức” liên quan chặt chẽ với quan niệm về “thiện”. Do đó, cần làm rõ thêm quan niệm của Nho giáo về “thiện”. Trước hết, theo tư tưởng Nho giáo (và cả tư tưởng phương Tây) không phải mọi cái thiện đều là đức,

tính với nghĩa là cái bên trong, hoặc hoàn toàn thuộc về con người<sup>16</sup>.

Khi giải thích lời trong “Thiên Khang Cáo”: “Mệnh trời ban cho không ở mãi với một người”, sách “Đại Học” cho rằng, câu này có nghĩa là “người thiện ắt nhận được, người bất thiện ắt để mất”<sup>17</sup>. Về cơ bản ở đây “thiện” được hiểu đồng nghĩa với đức hạnh, tức là những tính, tính cách tốt của con người, là cái thuộc về hoặc ở trong con người, cho phép người này hay người kia được gọi là “người thiện”. Có thể hiểu rõ hơn điều này, khi Khổng Tử nói: “Thấy người thiện (nên cố gắng bắt chước) như sợ rằng chẳng theo kịp, thấy người bất thiện (nên tránh xa) như mớ phải nước sôi”<sup>18</sup>. Theo lời Khổng Tử, “thiện” và cả “ác” được hiểu là những đức, phẩm chất hoặc tính cách của con người, vì chúng ở ngay trong những con người cụ thể, những người được coi là “người thiện” hoặc “người bất thiện”. Ở người thiện, thì thiện là những gì tốt đẹp, có ích, thậm chí còn là cái tốt đẹp lớn, khiến người ta “theo chẳng kịp”, còn ở người bất thiện, thì bất thiện là cái ác, cái xấu, thậm chí là gây nguy hiểm, mà gặp nó giống như “mớ phải nước sôi”.

Tuy nhiên, thiện không hoàn toàn chỉ có nghĩa là cái thuộc về con người, ở trong con người. Ngay đối với “người thiện” cũng thế, cụ thể là khi anh ta hướng theo, làm theo những chuẩn mực tốt đẹp ở bên ngoài mình. Nói với Phan Trì về việc tu dưỡng đức tính, tu sửa lỗi lầm, Khổng Tử cho rằng: “Phải gắng làm điều thiện mới mong được điều thiện”<sup>19</sup>. Còn nói về đạo tu dưỡng của người quân tử, Mạnh Tử cho rằng: “Vua Hạ Vũ nghe ai nói một câu tốt lành, liền bái tạ. Vua Đại Thuấn sẵn sàng gạt bỏ ý mình để nghe theo người khác và vui thích được bắt

chước người để làm việc thiện. Từ khi làm ruộng, nung gốm, đánh cá, cho tới khi lên ngôi hoàng đế, lúc nào ngài cũng bắt chước người khác”. “Bắt chước người để làm việc thiện là khuyến khích người cùng làm việc thiện với mình”<sup>20</sup>. Trong các đoạn này “điều thiện” (“cái thiện”) được nói ở đây có hai hình thức tồn tại rất rõ. *Thứ nhất*, thiện là cái ở bên ngoài mỗi người, là những cái mà con người có thể nhận được, tạo ra, hướng theo. *Thứ hai*, thiện là cái ở trong mỗi người, nó là cái tốt, cái hay, cái đẹp trong ta, khiến ta hành động. Trong hình thức này, thiện chính là đức thiện, là đức hạnh. Tuy nhiên, hai hình thức của thiện liên hệ hữu cơ với nhau, có thể nói không có hành vi hướng thiện chỉ với nghĩa là hướng theo cái thiện bên ngoài. Nhưng cũng đồng thời không phủ nhận được thực tế là, thiện vừa là đức, đức hạnh, vừa không phải là đức hạnh, mà còn là cái tốt đẹp ở bên ngoài con người.

Sự phân tích nội dung và ý nghĩa của quan niệm về thiện nói trên cho phép chúng ta hiểu cụ thể hơn quan niệm của Nho giáo về bản chất con người thông qua những luận điểm của Mạnh Tử. Trước hết, Mạnh Tử quan niệm bản chất hay bản tính con người là cái vững chắc, vốn có, không thể tùy ý thay đổi được. Bác bỏ quan điểm của Cáo Tử: “Bản tính con người cũng giống như gỗ cây kỹ, cây liễu, điều nghĩa cũng giống như chiếc chén, chiếc bát vậy. Dựa vào bản tính con người để làm việc nhân nghĩa cũng giống như lấy gỗ kỹ, gỗ liễu mà chế tạo ra chén bát vậy”, Mạnh Tử nói, nếu “thuận theo tính chất của gỗ kỹ, gỗ liễu mà chế tạo ra chén bát”, tất phải “đẻo gọt gỗ kỹ, gỗ liễu”. Như thế cũng có nghĩa là “phải đẻo gọt con người để làm việc nhân nghĩa”<sup>21</sup>. Từ đó, ông khẳng định

rõ, “bản tính người ta vốn thiện, cũng như nước phải chảy xuống thấp; người ta chẳng ai bắt thiện, như nước luôn luôn chảy xuống thấp” và “con người có thể khiến làm việc bất thiện” chẳng qua là bị ép buộc<sup>22</sup>. Mạnh Tử khẳng định rõ hơn rằng, “nếu xét bản tính phát động ra ở mặt tình cảm, thì thấy mọi người đều có thể làm điều thiện, nên ta mới nói bản tính vốn lành. Ôi, nếu có kẻ làm điều bất thiện, có phải lỗi ở bản chất của tính đâu”<sup>23</sup>.

Như thế, khi đặt “thiện” (cái thiện, điều thiện) trong mối liên hệ với “tính” và với “đức”, Mạnh Tử cũng như các nhà Nho giáo nói chung đã quan niệm bản tính, bản chất con người là *thiện*, *vốn thiện*, và nó trước hết là cái bên trong của con người. Do đó, tư tưởng Nho giáo về bản chất con người chính là về bản chất *đạo đức* của con người. Về điểm này, các nhà Nho cũng giống như các nhà tư tưởng phương Tây cổ đại có xu hướng tập trung vào phương diện đức hạnh. Cho nên, có thể hiểu bản chất đạo đức được Nho giáo quan niệm chủ yếu là bản chất *đức hạnh*. Tuy vậy, so với đạo đức học phương Tây đương thời, quan niệm Nho giáo về đức hạnh chưa có sự khái quát chính diện, rõ ràng về lý luận, trong khi đó Aristot đã có “định nghĩa”, bàn luận rất rõ, sâu sắc về đức hạnh<sup>24</sup>. Bên cạnh đó, Nho giáo có sự phân biệt khá rõ cái thiện bên trong, tức đức hạnh, phẩm chất tốt đẹp của con người với cái thiện bên ngoài. Vì vậy, cần tránh việc chỉ khẳng định tư tưởng Nho giáo về bản chất con người là thiện, là bản chất đạo đức một cách chung chung, trong khi không chú ý đến nội dung quan niệm Nho giáo về thiện.

#### 4. Một vài nhận xét, kết luận

1. Về bản chất con người Nho giáo đã đi từ chỗ quan niệm bản chất con người là

“tính” (“tính người”) nói chung, đến chỗ khẳng định “tính” là cái tốt đẹp, tức là “đức” và cuối cùng đến chỗ cho rằng bản chất con người vốn “thiện”. Như thế, Nho giáo không phải là cái nhìn đơn nghĩa hoặc hoàn toàn thiên lệch về bản chất con người, trái lại cũng như mọi truyền thống tư tưởng triết học về con người, nó cố gắng hiểu bản chất con người với tư cách là một tồn tại sâu sắc, tổng hợp toàn bộ những phương diện khác nhau của tồn tại người, là cái bên trong và đồng thời được biểu hiện ra trong toàn bộ đời sống của nó. Tuy nhiên, Nho giáo chủ yếu khẳng định bản chất con người là thiện, tức là bản chất đạo đức, cụ thể là đức hạnh. Điều này có nguyên nhân ở chỗ Nho giáo xuất phát từ yêu cầu “trị quốc, bình thiên hạ”, khát vọng đào tạo nên một tầng lớp ưu tú có thể đảm nhiệm việc ấy, đó là người quân tử, trong khi đó mẫu hình kẻ “trị quốc, bình thiên hạ” không thể tìm ở đâu khác, ngoài việc lấy gương những bậc minh quân đời trước (vua Nghiêu, vua Thuấn...), những tấm gương cai trị quốc gia thành công, tiêu biểu theo nguyên lý đức trị.

2. Cần phải coi trọng quan điểm lịch sử - cụ thể và toàn diện trong nghiên cứu Nho giáo. Không những phải đặt tư tưởng Nho giáo về bản chất con người vào những điều kiện lịch sử của chính nó, mà còn phải đặt tư tưởng đó trong mối liên hệ mật thiết với những quan niệm, tư tưởng khác. Ngay từ đầu, Nho giáo đã đặt vấn đề rất triết để rằng, để giải đáp các vấn đề chính trị, giáo dục, đạo đức hay bất cứ vấn đề lịch sử, xã hội nào khác, thì nhiệm vụ đầu tiên là phải giải đáp vấn đề bản chất con người, xem như vấn đề có ý nghĩa xuất phát điểm. Đây là giá trị văn hóa - triết học quan trọng mà Nho giáo để lại trong truyền thống tinh

thần, tư tưởng Trung Hoa nói riêng, phương Đông nói chung. Với cách đặt vấn đề ấy, tư tưởng Nho giáo về bản chất con người cho thấy tiếng nói chung sâu sắc với văn hoá tinh thần, nhất là triết học nhân loại trong quá trình quốc tế hoá, hội nhập hiện nay.

3. Nho giáo để lại một tư tưởng triết học giáo dục có ý nghĩa sâu sắc, lớn lao và trực tiếp đối với chúng ta. Theo đó, nhà giáo dục chỉ có thể thực hiện thành công sự nghiệp giáo hoá đối với dân tộc - quốc gia (“hóa dục trời đất”) của mình khi dựa trên việc hiểu được bản tính (bản chất) của mình, của người và của vật. Với cách đặt vấn đề ấy, người xưa đã cho thấy sự suy tư sâu sắc, nghiêm túc về vấn đề giáo dục như thế nào. Quả thực, không thể phát triển giáo dục, không thể có một nền giáo dục đến nơi đến chốn, nếu không xây dựng được chiến lược giáo dục đúng đắn, khoa học. Muốn xây dựng chiến lược giáo dục như thế thì không thể không có triết học giáo dục, hơn nữa là hệ thống triết học về giáo dục. Nhưng không thể có hệ thống triết học giáo dục nếu không có một nền triết học phát triển toàn diện, sâu sắc, bao gồm cả siêu hình học, triết học xã hội, lịch sử, trong đó, tất nhiên có triết học về con người, bản chất con người.

### **Chú thích**

1. Nguyễn Đức Lâm (dịch và chú giải), 1998. *Tứ Thư tập chú*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr.144-145.
2. *Sđd*, tr.614.
3. *Sđd*, tr.1195.
4. *Sđd*, tr.840-842.

5. C. Mác, 2000. *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 42, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr.133, 134-138.
  6. *Sđđ*, tr.1213-1214.
  7. *Sđđ*, tr.85.
  8. *Sđđ*, tr.553.
  9. *Sđđ*, tr.169.
  10. *Sđđ*, tr.27-30.
  11. *Sđđ*, tr.36.
  12. *Sđđ*, tr.372.
  13. *Sđđ*, tr.205.
  14. *Sđđ*, tr.56.
  15. *Sđđ*, tr.214.
  16. Phạm Văn Chung, 2012. *Tập bài giảng Đạo đức học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, tr.177-183.
  17. *Sđđ*, tr.58.
  18. *Sđđ*, tr.607.
  19. *Sđđ*, tr.491-492.
  20. *Sđđ*, tr.866.
  21. *Sđđ*, tr.1191-1192.
  22. *Sđđ*, tr.1192-1194.
  23. *Sđđ*, tr.1205.
  24. Xem Arixtôt, 1974. *Đạo đức học của Nicomaque*, Đức Hình dịch, tr.67,69,72.
- 
- Tài liệu tham khảo**
1. Trần Trọng Kim, 1992. *Đại cương triết học Trung Quốc - Nho giáo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
  2. C. Mác, 1995. *Luận cương về Phoiơbắc*, C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội.
  3. Vladimir Soloviev, Karol Wojtyla, Albert Schweitzer, 2004. *Triết học đạo đức*, Nxb. Văn hoá - Thông tin Hà Nội.
  4. B. T. Grigorian, 1973. *Triết học về bản chất con người*, Nxb. Sách báo chính trị Matxcova.